TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2025/DS-ST
Ngày 30 - 5 - 2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng
Mua bán tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Trọng Khôi
Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thanh
Ông Chu Quốc Đạt

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Tĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lạng Giang, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 40/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2025 về việc Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2025/QĐXXST-DS ngày 11/4/2025. Quyết định hoãn phiên toà số: 36/2025/QĐST-DS ngày 29/4/2025. Quyết định hoãn phiên toà số: 47/2025/QĐST-DS ngày 16/5/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1970. Do anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1967 là chồng đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền ngày 17/4/2025). Đều cư trú: Thôn T, xã T, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (chị Giới vắng mặt, anh Huyền có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1957 (có mặt);
Nơi cư trú: Thôn L, xã Đ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
1. Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1967 (có mặt);
Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.
2. Bà Vũ Thị L, sinh năm 1956 (vắng mặt);
Nơi cư trú: Thôn L, xã Đ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị G, do anh Nguyễn Thanh H là chồng đại diện theo uỷ quyền trình bày*: Từ năm 2009 đến năm 2015 ông Q có mua cám thức ăn chăn nuôi của gia đình anh, chị; Khi giao nhận cám đều ghi sổ theo dõi bán hàng. Ngày 13/6/2016 tổng hợp nợ cũ tính đến ngày 25/01/2015 là

539.486.000đ, nợ mới 59.456.000đ, tổng cộng cả nợ cũ và nợ mới là 598.942.000đ. Ngày 14/7/2023 ông Q trả 10.000.000đ, còn nợ lại 588.942.000đ. Nay anh, chị yêu cầu vợ chồng ông Q phải có trách nhiệm trả vợ chồng anh, chị 588.942.000đ tiền gốc và lãi suất theo pháp luật là 10%/năm, kể từ ngày 25/01/2015 đến ngày xét xử vụ án.

** Bị đơn ông Nguyễn Văn Q trình bày*: Gia đình ông có mua cám thức ăn chăn nuôi hiện còn nợ tiền vợ chồng chị G 588.942.000đ như chị G trình bày là đúng. Nay chị G yêu cầu vợ chồng ông phải có trách nhiệm trả vợ chồng chị G 588.942.000đ tiền gốc và lãi suất theo pháp luật là 10%/năm, kể từ ngày 25/01/2015 đến ngày xét xử vụ án. Vợ chồng ông đồng ý nhưng vì điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng ông xin trả dần.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

1. Anh Nguyễn Thanh H, xác nhận toàn bộ lời khai của chị G là đúng. Nay anh yêu cầu vợ chồng ông Q phải có trách nhiệm trả vợ chồng anh 588.942.000đ tiền gốc và lãi suất theo pháp luật là 10%/năm, kể từ ngày 25/01/2015 đến ngày xét xử vụ án.

2. Bà Vũ Thị L trình bày: Bà là vợ ông Nguyễn Văn Q, từ trước đến nay vợ chồng ông bà vẫn chung sống hoà thuận vẫn ăn chung ở chung. Ông Q làm nghề chăn nuôi lợn tại gia đình, còn bà thường xuyên đi chăn bò của gia đình. Bà không liên quan gì đến công việc chăn nuôi của ông Q, không mua cám chịu của ai. Từ khi chăn nuôi ông Q chưa bao giờ đưa cho bà một đồng nào, chưa mua sắm được tài sản gì trong gia đình. Nay ông Q nợ tiền cám của chị G, thì ông Q phải có trách nhiệm trả, bà không liên quan gì, bà không đồng ý cùng ông Q trả tiền gia đình chị G.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị G do anh H là chồng đại diện theo uỷ quyền có mặt, giữ nguyên yêu cầu trên và trình bày thêm: Yêu cầu vợ chồng ông Q phải có trách nhiệm thanh toán trả vợ chồng chị G, anh H 588.942.000đ tiền gốc và lãi suất theo pháp luật là 10%/năm/số tiền gốc 588.942.000đ, kể từ ngày 13/6/2016 đến ngày xét xử vụ án. Ông Q có mặt, đồng ý với ý kiến, chị G, anh H, nhưng vì điều kiện làm ăn kinh tế thua lỗ nên ông xin trả dần. Bà L vắng mặt, mặc dù đã được Toà án thông báo phiên toà hợp lệ đến lần thứ hai.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, Thẩm phán được phân công giải quyết, các đương sự trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay chị G do anh H là chồng đại diện theo uỷ quyền có mặt. Anh H, ông Q đều có mặt. Bà L vắng mặt, mặc dù đã được Toà án thông báo phiên toà hợp lệ đến lần thứ hai. Hướng đề xuất: Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Đề nghị căn cứ các Điều 26, 35, 147, 227, 228, 235, 264, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 357, 430, 440 Bộ luật Dân sự 2015. Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị G. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Vũ Thị L phải có trách nhiệm thanh toán trả vợ chồng chị Nguyễn Thị G, anh Nguyễn Thanh H 588.942.000đ tiền gốc và 527.921.000đ tiền lãi suất. Tổng cộng cả gốc và lãi suất là 1.116.863.000đ (một tỷ một trăm mười sáu triệu tám trăm sáu ba

nghìn đồng). Ngoài ra còn đề nghị xử lý tiền án phí, tuyên lãi suất chậm thanh toán, việc thi hành án và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của kiểm sát viên tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, phạm vi khởi kiện, thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị G, khởi kiện đòi tiền bán cám thức ăn chăn nuôi với ông Nguyễn Văn Q; Nơi cư trú: Thôn L, xã Đ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Nội dung: Căn cứ sổ theo dõi mua bán cám do anh Nguyễn Thanh H (chồng chị Nguyễn Thị G) xuất trình, thì vợ chồng chị G, anh H có bán cám cho ông Q nhiều lần. Tính đến ngày 14/7/2023 ông Q còn nợ vợ chồng chị G, anh H là 588.942.000đ. Nay vợ chồng chị G, anh H yêu cầu vợ chồng ông Q phải có trách nhiệm trả vợ chồng chị G, anh H 588.942.000đ tiền gốc và lãi suất theo pháp luật là 10%/năm/số tiền nợ gốc 588.942.000đ, kể từ ngày 13/6/2016 đến ngày xét xử vụ án. Như vậy xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, phạm vi khởi kiện là đòi lại tiền gốc và lãi suất, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay chị G do anh H là chồng đại diện theo uỷ quyền có mặt. Anh H, ông Q đều có mặt. Bà L vắng mặt, mặc dù đã được Toà án thông báo phiên toà hợp lệ đến lần thứ hai. Nên HĐXX căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xuất phát từ quan hệ quen biết nên từ năm 2009 đến năm 2015 ông Q có mua cám thức ăn chăn nuôi của vợ chồng chị G, anh H nhiều lần. Khi giao nhận cám và thanh toán trả tiền mua cám đều được ghi sổ theo dõi bán hàng, ông Q có ký nhận vào sổ theo dõi bán hàng. Tính đến ngày 14/7/2023 ông Q còn nợ vợ chồng chị G, anh H 588.942.000đ tiền cám. Việc ông Q mua cám về để chăn nuôi, phát triển kinh tế chung trong gia đình cùng bà L. Nay vợ chồng chị G, anh H yêu cầu vợ chồng ông Q phải có trách nhiệm trả vợ chồng chị G, anh H 588.942.000đ tiền gốc và lãi suất theo pháp luật là 10%/năm/số tiền nợ gốc 588.942.000đ, kể từ ngày 13/6/2016 đến ngày xét xử vụ án là có căn cứ.

[2.1] Về yêu cầu đòi tiền nợ gốc: Số tiền gốc chị G yêu cầu vợ chồng ông Q trả là 588.942.000đ, phù hợp với số liệu tiền gốc còn nợ được ghi trong bản gốc sổ theo dõi bán hàng do anh H (chồng chị G) xuất trình có chữ ký xác nhận của ông Nguyễn Văn Q. Mặt khác ông Q thừa nhận hiện ông Q còn nợ vợ chồng chị G, anh H 588.942.000đ tiền cám, đây là chứng cứ không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do vậy yêu cầu khởi kiện đòi tiền nợ gốc bán cám 588.942.000đ của chị G là có căn cứ, phù hợp Điều 440 Bộ luật Dân sự 2015 cần chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu đòi tiền lãi suất: Căn cứ bản gốc sổ theo dõi bán hàng đã thống kê ngày 25/01/2015 ông Q nợ tổng 539.486.000đ, sau đó các bên tiếp tục giao dịch mua bán cám. Ngày 13/6/2016 tổng hợp nợ cũ tính đến ngày 25/01/2015 là 539.486.000đ, nợ mới 59.456.000đ, tổng cộng cả nợ cũ và nợ mới là 598.942.000đ, như vậy trong thời gian này giao dịch mua bán cám vẫn được các bên thực hiện chưa kết thúc, việc ghi sổ tổng hợp chỉ mang tính chất để theo dõi. Nay chị G, anh H yêu cầu tính lãi suất của khoản tiền còn nợ 588.942.000đ với mức lãi suất là 10%/năm kể từ ngày 13/6/2016 đến ngày xét xử vụ án. Phía ông Q hoàn toàn đồng ý, nhưng vì làm ăn kinh tế thua lỗ nên ông Q xin trả dần. Nên cần chấp nhận thời gian tính lãi suất từ ngày 13/6/2016 đến ngày xét xử vụ án, xét là phù hợp Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015. Lãi suất được tính cụ thể như sau: Từ 13/6/2016 đến ngày 30/5/2025 là 08 năm 11 tháng 17 ngày. Lãi suất cụ thể: 588.942.000đ x 10%/năm x 08 năm 11 tháng 17 ngày = 527.921.000đ.

[2.3] Từ những phân tích và nhận định trên, xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị G. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Vũ Thị L phải có trách nhiệm thanh toán trả vợ chồng chị Nguyễn Thị G, anh Nguyễn Thanh H 588.942.000đ tiền gốc và 527.921.000đ tiền lãi suất. Tổng cộng cả gốc và lãi suất là 1.116.863.000đ (một tỷ một trăm mười sáu triệu tám trăm sáu ba nghìn đồng). Xét là phù hợp Điều 357, 440 Bộ luật Dân sự 2015.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên lẽ ra ông Q, bà L phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo pháp luật. Nhưng vì ông Q, bà L là người cao tuổi, nên cần miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Q, bà L. Hoàn trả chị G tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 147, 227, 228, 235, 264, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 357, 430, 440 Bộ luật Dân sự 2015. Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị G. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Vũ Thị L phải có trách nhiệm thanh toán trả vợ chồng chị Nguyễn Thị G, anh Nguyễn Thanh H 588.942.000đ tiền gốc và 527.921.000đ tiền lãi suất. Tổng cộng cả gốc và lãi suất là 1.116.863.000đ (một tỷ một trăm mười sáu triệu tám trăm sáu ba nghìn đồng).

2. Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn Q, bà Vũ Thị L. Hoàn trả chị Nguyễn Thị G 14.724.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003817 ngày 20/3/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành, mà người phải thi hành án không thi hành, hoặc thi hành chưa xong; thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt, niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Lạng Giang
- Chi cục THA huyện Lạng Giang
- Các đương sự
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)
Thân Trọng Khôi